

Bài báo nghiên cứu LOẠI HÌNH DI TÍCH CƯ TRÚ TRÊN NỀN ĐẤT ĐẤP THỜI TIỀN SỬ Ở TỈNH LONG AN

Lê Hoàng Phong

Viện Khoa học Xã hội Vùng Nam Bộ, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Lê Hoàng Phong – Email: lehoangphong1983@gmail.com

Ngày nhận bài: 19-9-2024; ngày nhận bài sửa: 08-10-2024; ngày duyệt đăng: 10-11-2024

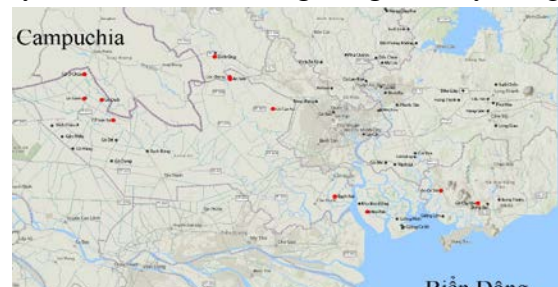
TÓM TẮT

Hình thức cư trú trên nền đất đắp là một trong những loại hình di tích đặc trưng nổi bật của các di tích thời tiền sử trên địa bàn Long An, Việt Nam. Loại hình này phản ánh khả năng thích nghi và ứng phó của con người thời tiền sử với thiên nhiên, khả năng tác động – cải biến điều kiện tự nhiên phù hợp với nhu cầu tồn tại cũng như trình độ phát triển của cộng đồng cư dân thời kì này. Khu vực cư trú cổ tại các di tích thời tiền sử ở Long An được tạo nên bằng đất sét, cát, nhuyễn thể và cây rừng, nền đất được nén và được đốt tạo thành các nền cư trú khô ráo. Các cuộc khai quật gần đây của chúng tôi đã xác định được 04 di tích cư trú gồm hàng chục giai đoạn đắp và gia cố các nền đất, trên đó là vết tích của các cấu trúc lợp bằng thực vật, là nơi cư trú của người cổ trong hơn 100 năm. Trong khung thời gian này, nhiều giai đoạn xây dựng chính đã được xác định, theo đó từng nền tầng và tất cả các cấu trúc trên đó được thay thế liên tiếp.

Từ khóa: di tích khảo cổ; nền đất đắp; tiền sử; di chỉ cư trú

1. Giới thiệu

Khu vực tỉnh Long An có vị trí chuyển tiếp giữa vùng đất cao Đông Nam Bộ và đồng bằng thấp Tây Nam Bộ, là vùng đất có địa hình đặc biệt với các vùng sinh thái đa dạng như vùng cao đất xám phù sa cổ, vùng thấp của tràm tích phù sa mới và một vùng ven sông cận biển với các giồng nổi cao thấp đan xen, nhiều vùng đầm lầy ven biển và cả những bưng sinh lầy trong vùng Đồng Tháp Mười, nơi đây có tuyến đường thủy nối từ nội địa ra đến cửa biển Soài Rạp. Vùng Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây được biết đến là một trong những tiểu vùng văn hóa quan trọng thời Tiền – Sơ sử của vùng đất Nam Bộ. Dọc theo bờ hai con sông này, hàng loạt các di tích từ thời đá mới đến thời kim khí đã được phát hiện và khai quật, đem lại những tư liệu khảo cổ học quan trọng trong khu vực.



Hình 1. Bản đồ phân bố các di tích cư trú trên nền đất đắp thời tiền sử ở Long An (Nguồn: tác giả)

Cite this article as: Le Hoang Phong (2025). The residential structures on embankment foundations in the prehistoric age in Long An Province. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(1), 110-122.

Có thể nói điều kiện tự nhiên của Long An trên hầu hết các vùng địa lí đều là vùng đất thấp, tương đối bằng phẳng hoặc trũng sâu tùy theo địa hình cục bộ của từng khu vực. Trong những vùng như thế thường có các gò đất nổi lên khá cao, khoảng 3m đến 5m so với bình diện chung quanh, những gò đất cao này không phải là hoàn toàn do thành tạo địa lí tự nhiên mà do hoạt động sống của con người tạo thành, đặc trưng tầng văn hóa dày, có chứa các di tích cư trú và mộ táng.

Môi trường tự nhiên là một trong những yếu tố quan trọng và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình sinh sống, lao động sản xuất ở hầu hết mọi mặt của xã hội, nhất là với các nền văn hóa cổ; nó cũng góp phần hình thành nên những vùng/ tiểu vùng văn hóa khác nhau với các đặc trưng, sắc thái riêng cho từng vùng.

Sự thích nghi với môi trường được thấy rõ qua các bằng chứng khai quật khảo cổ học ở các di tích An Sơn, Lộc Giang, Rạch Núi... Hầu hết trong các di tích, khu cư trú được cấu thành theo từng lớp “nền nhà”, được tạo nên bằng hỗn hợp sét, cát, nhuyễn thể và cây rừng, đầm chặt và nung cứng tạo thành các nền cư trú khô ráo. Chính sự khác biệt này đã dần hình thành một đặc trưng văn hóa vùng cho các di tích khảo cổ học ở lưu vực sông Vàm Cỏ thời tiền sử.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương thức cư trú trên nền đất đắp thời tiền sử ở Long An

2.1.1. Kỹ thuật tạo dựng và phương pháp gia cố trên nền đất đắp

Các khu vực cư trú là yếu tố còn thiếu trong thời tiền sử ở Việt Nam, các bằng chứng khảo cổ học hiện có đều bắt nguồn từ bối cảnh các di tích mộ táng, hiện có rất ít thông tin về bối cảnh sống, các hoạt động trong nhà và việc sử dụng mặt bằng để cư trú. Bằng chứng về khu vực cư trú chỉ giới hạn tại các địa điểm An Sơn, Lộc Giang, Lò Gạch và Gạch Núi tại Long An. Tại các địa điểm này có những hiện tượng một loạt các bề mặt sàn cứng (đất đắp) xếp chồng lên nhau có màu vàng nhạt được làm từ “vữa vôi”. Trong các nền đất đắp này còn phát hiện các cấu trúc bằng thực vật đã được xây dựng bên trên các nền đất đắp đó. Từ tư liệu khai quật trong những năm gần đây đã gợi ý ra rằng các di tích không phải được xây dựng ngẫu nhiên mà nó có kế hoạch, có kỹ thuật và phương pháp tạo dựng tại nơi cư trú.

- Kỹ thuật tạo dựng các nền đất đắp

Tại Lộc Giang, trong các hố khai quật năm 2014 (Hình 2) đã xác định được khoảng 40 lớp nền đất đắp nằm trong 4 giai đoạn khác nhau:

Giai đoạn 1: các lớp nền bao gồm các trầm tích màu vàng nhạt được nén chặt với kết cấu dạng mùn, hàm lượng vôi hóa cao, có 5 nền đất chính nằm rải rác đều trong hố khai quật, một số lỗ cột xuất hiện gắn với các nền đất này nhưng không cho thấy một cấu trúc rõ ràng.



Hình 2. Vết tích các nền đất đắp trên địa tầng di tích Lộc Giang năm 2014

(Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)

Giai đoạn 2: bao gồm 11 lớp nền trải dài trên một không gian rộng hơn cho thấy sự mở rộng của hoạt động tạo dựng khu cư trú.

Giai đoạn 3: bề mặt được bảo quản tốt nhất bao gồm hơn 25 lớp nền tuân tự chồng lên nhau, đây là bằng chứng về việc thay thế bề mặt ban đầu.

Giai đoạn 4: cấu trúc các nền đất rời rạc và được làm lại. Kết quả phân tích niên đại cho thấy từ giai đoạn 2 đến giai đoạn 3 được xác định trong khoảng thời gian 270 năm với khoảng 35 lớp nền (Piper, 2017). Như vậy, từ kết quả trên có thể thấy có sự tích tụ nhanh chóng của bề mặt các nền đất này.

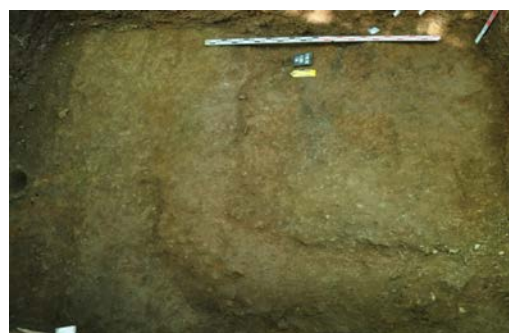
Trong khi đó, khác với di tích Lộc Giang, tại di tích Rạch Núi (Hình 3), mười ba giai đoạn tạo lập sàn đã diễn ra trong một thời gian 200 năm, các sự thay đổi kết cấu của các nền đất diễn ra nhanh hơn trong một hoặc hai thập kỉ (Oxenham et al., 2015). Tư liệu hiện trường khai quật có thể minh chứng cho hai giai đoạn phát triển của loại hình di tích này. Ở giai đoạn sớm, các nền đất được đắp theo một cách thức đơn giản với các cạnh song song và có các góc được đắp tròn (tương tự các nền nhà đất đắp tại nông thôn hiện nay). Trên nền đất này, có các dấu vết của lỗ cột, các thanh gỗ nằm ngang đặt song song và sát nhau, có lẽ dùng để làm lối đi. Một số thanh gỗ có dấu hiệu được nối lại để dài hơn. Rìa cạnh nền đất được đắp xuôi nghiêng để thuận tiện cho việc lên xuống và thoát nước. Hầu hết trường hợp các nền đất đắp tại Rạch Núi cho thấy, giai đoạn sau của việc xây dựng, nền nhà thường có kích thước lớn hơn một chút so với giai đoạn trước. Kỹ thuật tạo dựng các nền đất đắp của giai đoạn này cũng cho thấy sự tiến bộ và độ vững chãi theo thời gian. Các nền tầng ở giai đoạn sớm nhất chỉ đơn giản bằng đất sét và nén cứng trong khi đó ở giai đoạn muộn hơn, một phần bổ sung bề mặt đất nền rất cứng được nối dài hơn để làm rộng nơi cư trú và liên kết tốt hơn với các khu vực cư trú lân cận khác.



Hình 3. Vết tích các nền đất đắp tại di tích Rạch Núi năm 2012

(Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)

Các nền đất cư trú có một khoảng cách nhất định, theo ghi nhận đợt khai quật năm 2012 (Hình 4), khoảng cách đó vào khoảng 4-5m. Hướng phân bố của các nền đất này dường như được đắp song song nhau một cách có chủ đích. Giữa các nền đất là các tàn tích của quá trình sinh hoạt như các mảnh gốm, than tro và cả phân người, phân động vật... Theo thời gian, các nền đất này được đắp chồng lên lớp dưới để tạo một bề mặt cư trú mới. Trên bề mặt các nền đất là dấu vết của những sinh hoạt thường nhật, các mảnh vỡ đồ gốm vương vãi, các vỏ sò ốc, xương cá, xương thú bị vứt trên bề mặt nền, ngoài ra còn



Hình 4. Vết tích 3 nền đất đắp liên tiếp nhau tại Rạch Núi 2012

(Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)

dấu vết của các bếp lửa, tất cả tàn tích sinh hoạt này thường nằm trong lớp đất màu xám xanh, hoặc nâu. Bên trên là một nền đất được đắp vào giai đoạn muộn hơn và cứ như thế, nhiều nền đất được đắp chồng xen kẽ lên các lớp cư trú.

Hiện tượng tương tự cũng tìm thấy tại di tích An Sơn, trong các cuộc khai quật năm 1978 và năm 1997, các nền đất cứng đã được phát hiện ở tầng dưới của lớp 1 và lớp 2. Các nền đất được đắp và tạo bề mặt bằng phẳng, xung quanh tìm thấy nhiều vết tích của bếp hình tròn hoặc hình bầu dục, được bao quanh bởi các bề mặt cứng tạo thành những chỗ trũng. Những bếp lò này chứa đất mềm màu nâu đỏ với tro và than, cùng với nhiều mảnh đất sét nung tạo thành từng cụm, trong đó có chứa xương động vật.

Những nền đất và lỗ cột tiếp tục được tìm thấy trong đợt khai quật năm 2004 (Hình 5). Bên dưới gò đất có những lớp cứng, mềm xen kẽ, đây là vết tích của nền nhà tồn tại ở nhiều giai đoạn khác nhau.



Hình 5. Vết tích các nền đất đắp trên địa tầng di tích An Sơn năm 2004 (Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)

Nền đất được đắp bằng đất sét ngay trên bề mặt sinh thổ khá bằng phẳng, có hình chữ nhật, rộng 6m². Tổng số có 18 lớp nền tồn tại ở 4 giai đoạn khác nhau, ven rìa cạnh có những vết lõm tạo thành rãnh dài bao bọc cùng với hàng loạt các lỗ cột có đường kính 10cm-12cm bao quanh. Như vậy, khu vực cư trú tại di tích An Sơn diễn ra rất sớm, hình thức cư trú cũng như kỹ thuật tạo lập khu cư trú cũng tương tự với di tích Lộc Giang và Rạch Núi.

Tại di tích Lò Gạch, trong các lớp đào của tầng văn hóa các hố khai quật năm 2014 đã nhận diện các nền đất được cư dân cổ đắp để tạo dựng nơi cư trú. Trong không gian cư trú đó, khảo cổ học đã phát hiện các vết tích của quá trình sinh hoạt: đắp và tu bổ nền nhà, những dấu vết sàng sảy, giã gạo. Di tích khảo cổ học Lò Gạch cho thấy một cấu trúc địa tầng phức tạp của các lớp đất gia cố cứng chắc là dấu tích của kiến trúc cư trú của người xưa, xen kẽ với nhiều lỗ cột và các lớp đất mềm với nhiều xác hữu cơ và dấu vết thóc gạo. Có thể thấy rằng, cư dân cổ ở Lò Gạch đã chọn nơi thế đất cao của gò để làm nhà, tuy chưa có đủ tư liệu, hiện vật để có thể dựng lại kiều dáng những ngôi nhà ở ngôi làng cổ xưa này nhưng qua các hố khai quật, khảo cổ học đã ghi nhận những lớp đất gia cố cứng chắc, có thể là dấu tích của kiến trúc cư trú của người xưa.

- *Phương pháp gia cố các nền đất đắp*

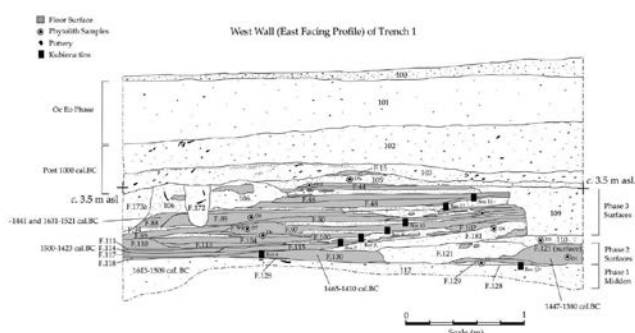
Kết quả nghiên cứu của các nhà khảo cổ học cho thấy việc “sử dụng vữa vôi” sớm đã được áp dụng tại khu vực di tích An Sơn, Lộc Giang và Gạch Núi. Sàn vữa vôi sẽ cung cấp một

mặt bằng cứng và không thấm nước, kỹ thuật này tạo thuận lợi trong môi trường nhiệt đới ẩm ướt. Các loại đất sét nung và không nung cùng với xác thực vật đặc biệt là xác vỏ sò điệp đã cải thiện độ cứng và bền của vật liệu tạo dựng cho thấy cư dân cổ Lộc Giang, An Sơn, Rạch Núi đã có kiến thức sâu sắc về cách thức và phương pháp tạo dựng khu cư trú của mình.

Tại Lộc Giang, việc sử dụng “vữa vôi” để gia cố các bề mặt nền đất đắp đã tìm thấy, đặc biệt trong giai đoạn 2 và giai đoạn 3. Các bề mặt này rất rộng và cứng, được xác định bề mặt là sàn “vôi vữa”. Sự lặp đi lặp lại nhất quán trong vật liệu tạo dựng nơi ở chỉ ra rằng việc tạo ra các nền nhà là công việc chung của cộng đồng. Chế tạo ra vôi để tạo mặt bằng nền đất tiêu tốn nhiều thời gian, nguồn lực và tài nguyên để tạo ra các cấu trúc nền lâu bền. Ngoài việc gia cố các nền đất bằng vôi, người cổ Lộc Giang còn nuôi chó, lợn và thực hiện xử lý nguồn chất thải trong sinh hoạt (Grono, 2020). Những hoạt động này đòi hỏi có một cộng đồng cư trú lâu dài tại đây, và do đó Lộc Giang đại diện cho một trong những cộng đồng định cư sớm nhất.

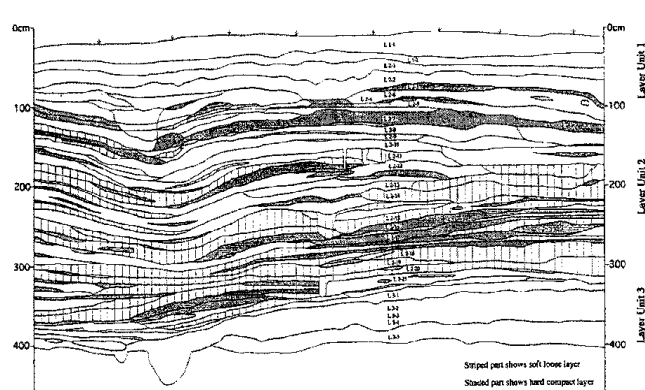
Tại An Sơn, trong các cuộc khai quật năm 1997, 2004 và 2009 hiện tượng các nền đất đắp tiếp tục được tìm thấy trong lớp văn hóa chính. Trên bề mặt những nền đất sét có vết tích của việc sử dụng “vữa vôi” để gia cố, những đất sét tại đây giàu thành phần canxi cacbonat và có thể có nguồn gốc từ quá trình đốt cháy và nung từ vỏ nhuyễn thể (Nishimura, 1997). Trong các lớp nền đất cứng nhiều lỗ cột được tìm thấy có đường kính từ 6cm-10cm, mặt trong và xung quanh các lỗ cột bị kết cứng lại bởi nhiệt độ cao, cho thấy có dấu hiệu bị cháy.

Các lỗ cột này được tạo dựng sau khi các nền đất đắp được làm, và có thể là cấu trúc của nhà được xây trên các nền đất đắp. Một số trong số đó, cho thấy bằng chứng về tái sử dụng với các lỗ đôi, lặp đi lặp lại nhiều lần các dấu tích chôn cột ở cùng một vị trí. Cấu trúc của các lỗ cột không đủ rõ ràng, tuy nhiên, có thể nhận thấy chúng phân bố trên cùng một bình diện và thường tập trung quanh một dấu vết bếp lửa, gợi ý cho một số hình thức nơi trú ẩn ban đầu hoặc nhà bếp nơi gia đình có thể nấu ăn và ăn với nhau (Bellwood et al., 2011)



Hình 6. Bản vẽ mặt cắt các nền đất đắp thể hiện trên địa tầng tại di tích Lộc Giang năm 2014

(Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)



Hình 7. Bản vẽ mặt cắt các nền đất đắp thể hiện trên địa tầng tại di tích An Sơn năm 1997

(Nguồn: Nishimura & Nguyen, 2002)

Tại Rạch Núi (Hình 8), phân tích XRD (X-ray diffraction – Nhiễu xạ tia X) đánh giá các bề mặt nền đất đắp cho thấy thành phần này bao gồm silicat và canxi cacbonat, thành phần canxi cacbonat có thể là kết quả của việc sử dụng vôi vữa (từ vỏ nhuyễn thể) để làm chất kết dính (Piper & Oxenham, 2014). Cấu trúc thực vật sử dụng trong xây dựng, liên kết các bề mặt sàn của Rạch Núi được thể hiện qua các lỗ cột, các vị trí thanh ngang và dấu vết của vật liệu lát sàn, bị cacbon hóa. Một số trường hợp được silic hóa cho thấy tàn tích của lá (có thể là dừa nước) được che phủ trên các bề mặt nền. Trên bề mặt các nền đất giai đoạn muộn cũng tìm thấy các dấu vết lỗ cột, các thanh ngang kết nối với cột tạo thành một cấu trúc dạng hình học, đối xứng. Qua một số dấu vết để lại trên bình diện khai quật có thể thấy người cổ Rạch Núi có sử dụng một số loài cây thân gỗ, đường kính khoảng 7-12cm để dựng các cấu trúc có thể là nhà ở. Ngoài ra, họ còn sử dụng tre để tạo khung sườn liên kết các cột, dấu vết để lại là các vết than cháy chạy song, ở giữa rộng.



Hình 8. Một nền đất đắp có nhiều lỗ cột trên bề mặt tại Rạch Núi 2012

(Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)

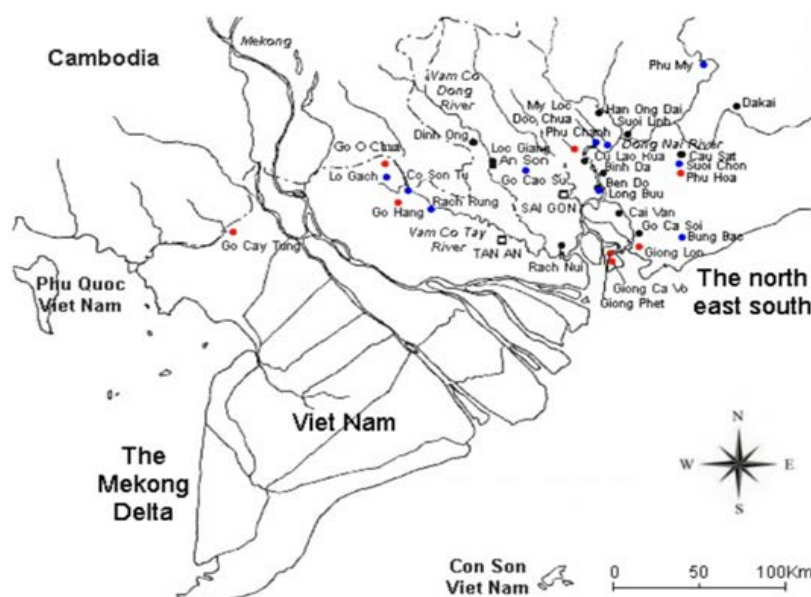
Phân tích so sánh của Piper và Oxenham (2014) về bằng chứng cư trú lâu dài ở Lộc Giang, An Sơn, Rạch Núi cho thấy việc xây dựng “vữa vôi” như là một truyền thống tạo lập các khu cư trú của các di tích khảo cổ học dọc lưu vực sông Vàm Cỏ của Long An. Mặc dù, quá trình phát triển các nền đất này là khá tương tự nhau ở các di tích, nhưng sự khác biệt nhất định trong cấu trúc và kỹ thuật xây dựng giữa An Sơn, Lộc Giang khi so sánh với Rạch Núi, có thể phản ánh chúng được xây dựng bởi các cộng đồng khác nhau, nhưng có liên quan. An Sơn và Lộc Giang cho thấy vật liệu chủ yếu là vữa và sét, cùng dấu vết bếp lửa ở giữa các lớp nền và trong khu cư trú. Trong khi, Rạch Núi lại cho thấy nhiều dấu vết của thực vật, với các vết chạy dọc theo nền và việc gia cố các rìa của vỉa nền. Các tổ hợp di vật bao gồm đồ gốm, các công cụ bằng mai rùa hay sinh kế của hai cộng đồng cũng phản ánh ít nhiều những khác biệt nhất định. Mặt khác, trong khi các bằng chứng về sản xuất nông nghiệp và thuần hóa động vật tại An Sơn khá rõ ràng thì ở Rạch Núi dường như là nơi sinh sống của một nhóm dân cư chủ yếu phụ thuộc vào kinh tế khai thác.

Các kỹ thuật xây dựng phức tạp được sử dụng trong tạo dựng nơi cư trú, những kiến thức về vật liệu và phụ gia thực vật, cho thấy những kiến thức và kinh nghiệm đã có từ trước của các cộng đồng cư dân này. Do đó, có thể việc thành lập một cộng đồng này là kết quả của sự phân tán của một cộng đồng lớn hơn vào lãnh thổ mới. Kết luận này phù hợp với các bằng chứng về sự xuất hiện của các cộng đồng nông nghiệp đầu tiên trên toàn Đông Nam Á lục địa (Bellwood, 2005).

Sự tương đồng trong văn hóa vật chất, dựa trên kinh tế tự cung tự cấp hỗn hợp cả săn bắt và trồng trọt, giữa các di tích ở Nam Bộ với các địa điểm thời đồ đá mới trên Đông Nam Á lục địa cho thấy mức độ chia sẻ cao của một nguồn gốc văn hóa (Bellwood et al., 2011). Dù vậy, có một số những truyền thống gồm cho thấy sự xuất hiện tương đối nhanh của văn hóa địa phương (Sarjeant, 2014).

2.1.2. Nhận thức từ yếu tố môi trường sinh thái đối với lựa chọn phương thức cư trú trên nền đất đắp

Về địa lí, Long An là khu vực đệm giữa miền đất cao Đông Nam Bộ và đồng bằng thấp Tây Nam Bộ, có quá trình hình thành và phát triển địa chất tương tự như Nam Bộ. Trong khoảng thời gian 5800 đến 4800 khi mực nước biển đạt mức ổn định tại điểm cao nhất của nó (+2m), và vào 4800 năm BP, ngay trước khi bắt đầu sự định cư của con người, biển đã bắt đầu rút dần về gần mức hiện tại, vị trí đường bờ biển lúc đó khá gần nơi định cư thời tiền sử như Lộc Giang và An Sơn. Khoảng thời gian sau 4800 đến nay lập trình châu thổ gần như hiện tại. Thời điểm này sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây đóng vai trò chính trong việc hình thành các tích tụ địa chất, hình thành nên trầm tích phù sa mới. Vật liệu do sông mang lại tủa ra hai bên tạo thành những đê sông, ngày nay là vùng đất cao ven sông.



Hình 9. Bản đồ các di tích thời tiền sử ở Nam Bộ

(Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)

Vùng đất xám này đã phát triển trên nền phù sa cổ, phân bố trên khu vực Đức Hòa – Đức Huệ, kéo dài đến Mộc Hóa – Vĩnh Hưng, có địa hình sóng trâu, chạy dài theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, mặt thềm cao nhất trong vùng có độ cao khoảng từ 4,5-6m. Mặt nguyên sinh nghiêng về phía Nam hay Đông Nam, theo dòng chảy của sông Cửu Long hiện tại, các mạng thoát thủy thường chảy theo nhánh sông và dẫn nước đổ ra vùng thấp hơn. Địa hình của thềm phù sa cổ và vùng đất ven sông gồm những gò đất cao cấu tạo bằng cát và sét nằm rải rác giữa những bãi lầy thấp, vật liệu nằm bên dưới là cát bột, sét và đá ong. Xen lẫn các gò cao là địa hình đồng ngập,

những dải đất tương đối bằng phẳng và chạy dài theo các con sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây tồn tại rất nhiều kênh rạch lớn nhỏ luồn sâu vào bụng, áp.

Các địa điểm sớm nhất được biết cho đến nay trên đất xám này, dọc theo sông Vàm Cỏ Đông, bao gồm các di tích như An Sơn, Lộc Giang, Dinh Ông... Địa điểm An Sơn hiện cách biển 75 km, nhưng các cuộc khai quật cho thấy thời kì đầu định cư đầu tiên tại An Sơn, địa điểm này có lẽ nằm gần một khu vực ảnh hưởng của thủy triều hoặc cửa sông. Vào thời điểm này, biển có lẽ đã lùi xa nhưng vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng nhất định. Khi biển dâng cao lên cực đại rồi rút lui dần, hàng loạt giồng đất ven biển được hình thành, đằng sau chúng là bãi sinh lầy rộng lớn – Đồng Tháp Mười ngày nay. Nhóm di tích phân bố trên các gò đất nổi trong vùng trũng ngập nước này, bao gồm các di tích như Gò Đình, Lò Gạch, Cỏ Sơn Tự, Gò Ô Chùa... có niên đại khởi đầu muộn hơn, khoảng sau 3200 năm nhưng mang những đặc trưng tiếp nối trong loại hình di vật và phương thức cư trú với các di tích khu vực ven sông Vàm Cỏ Đông.

Khu vực quanh di tích Rạch Núi ngày nay được bao bọc bởi mạng lưới sông và ảnh hưởng của thủy triều nước lợ, với dấu tích rừng ngập mặn và đừa nước bao quanh. Lịch sử hình thành địa chất cho thấy Rạch Núi không thể có sự cư trú trước 4500 năm, vì khi đó vùng này vẫn còn là một vùng biển nông. Rạch Núi có lẽ được hình thành ngay sau khi mực nước biển cao Holocen sớm rút xuống và để lộ lớp nền sét biển xanh. Với niên đại AMS cho lớp đầu tiên (từ 3555-3405 năm BP đến 3380-3265 năm BP), có vẻ như Rạch Núi chỉ có sự định cư chỉ ngay sau khi môi trường được ổn định. Những cư dân đầu tiên tìm đến định cư tại đây, có thể vào giai đoạn biển thoái Holocene I (khoảng hơn 3600 đến khoảng 3200 năm BP) với mực nước biển thấp hơn hiện nay khoảng 80cm. Và tiếp tục định cư đến giai đoạn biển tiến Holocene II (khoảng 3200 đến khoảng 2900 năm BP) với mực nước dâng cao hơn hiện nay 30cm (Oxenham et al., 2015).

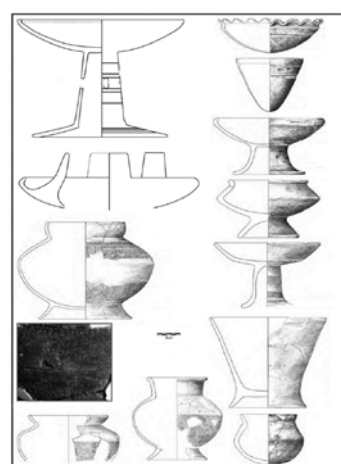
Các hoạt động tiến – thoái liên tục của mực nước biển tuy có thể không ảnh hưởng trực tiếp lên đời sống của cộng đồng này, nhưng chắc rằng nó ảnh hưởng đến mực nước ngầm, khiến họ liên tục phải đắp cao nơi ở của mình để tránh ẩm thấp. Nên cũng chính quá trình này đã hình thành nên một diện mạo di tích như ngày nay với dạng một gò đất đắp cao.

Với những đặc trưng như vậy ở khu vực Long An thời tiền sử ở thời điểm khoảng 4500-2700 năm BP, thì những cộng đồng cư dân cổ sinh sống dọc theo lưu vực các con sông ở Đông Nam Á lục địa cũng có một đặc điểm chung là họ định hình và phát triển đời sống kinh tế trên cơ sở của nông nghiệp hỗn hợp như các cộng đồng cư dân thời tiền sử ở Long An. Trường hợp các di tích như vậy đã được khai quật, ở miền trung Thái Lan (ví dụ: Nong Nor và Khok Phanom Di ở rìa Đông Nam của hệ thống sông Chao Phraya), Đông Bắc Thái Lan (ví dụ: Ban Non Wat và Ban Lum Khao ở Thượng sông Mun), và ở hạ lưu lưu vực sông Mekong và một số nhánh nhỏ hơn ở miền Nam Việt Nam như Vàm Cỏ và Đồng Nai, trong số đó đã được khai quật trong những năm gần đây, có đặc điểm là những gò đất lớn với tầng văn hóa dày, chứa đựng các tích tụ vật chất phản ánh đời sống vô cùng sinh động trong buổi đầu của quá trình hình thành các tổ chức đời sống thời tiền sử.

2.2. Loại hình di tích cư trú trên nền đất đắp thời Tiền sử ở Long An trong bối cảnh văn hóa thời Tiền sử ở Nam Bộ

Với vị trí chuyển tiếp giữa vùng đất cao Đông Nam Bộ và đồng bằng thấp Tây Nam Bộ, lưu vực sông Vàm Cỏ là một trong những tiểu vùng văn hóa quan trọng tiền sơ-sử của Nam Bộ. Dọc theo bờ hai con sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, hàng loạt các di tích khảo cổ đã được phát hiện và khai quật, đem lại những hiểu biết quan trọng về giai đoạn tiền sơ sử của khu vực. Quá trình mở rộng, trong khoảng 4500 cách ngày nay đến khoảng 2700 năm cách ngày nay, từ những di tích tiền sử trên vùng đất cao ven sông Vàm Cỏ Đông đến vùng ngập nước Vàm Cỏ Tây, có thể coi là một điển hình nghiên cứu về sự thích ứng môi trường sống và chuyển dịch văn hóa của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Đặc điểm cư trú trên nền đất đắp của vùng Vàm Cỏ đã tạo nên tính đa dạng trong bức tranh chung của cộng đồng cư dân cổ trong suốt quá trình chinh phục vùng đất này, bên cạnh cư trú trên nhà sàn của vùng ngập mặn ven biển thuộc vùng cận biển Đông Nam bộ, cư trú trong các khu đất đắp dạng trùn ở cao nguyên đất đỏ Bình Phước hay cư trú lộ thiên ven sông ở vùng hạ lưu Đồng Nai. Văn hóa vật chất và cách thức xử lí khu cư trú ở các địa điểm như Lộc Giang, An Sơn, Rạch Núi, Lò Gạch... tạo thành đặc trưng và cho thấy một truyền thống địa phương, khác biệt với những gì được ghi nhận trong các di tích khảo cổ học ở vùng sông Đồng Nai. Sự khác biệt này, phải chăng là sự khác biệt mang tính sinh thái văn hóa, để thích ứng với vùng đất thấp, thường ngập nước vào mùa nước nổi, tính cô lập lớn và không có nhiều lựa chọn cho khu vực cư trú.



Hình 10. Hoa văn trang trí trên đồ gốm An Sơn (Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)

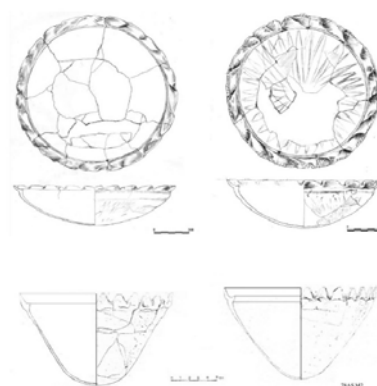
Trong mối quan hệ với các di tích ở Nam Bộ, di tích An Sơn và Lộc Giang có mối quan hệ khá gần gũi với Dinh Ông và Bà Đạo, hai địa điểm thuộc tỉnh Tây Ninh, nằm thượng lưu sông Vàm Cỏ. Mối quan hệ này thể hiện rõ nhất trong việc làm đồ gốm. Hoa văn trang trí trên gốm rất cầu kì, phong phú về mô típ, những chiếc bát có viền lượn sóng khác thường và đặc biệt rất phổ biến ở Lộc Giang, An Sơn cũng đã được tìm thấy ở Bà Đạo. Những khu định cư ở khu vực Vàm Cỏ Đông này đại diện cho một nhóm cư dân địa phương với tính chất riêng biệt sẽ phân biệt họ với các nền văn hóa đương thời tồn tại ở ven biển và lưu vực sông Đồng Nai.

Quan điểm này được củng cố hơn từ kết quả cuộc khai quật di tích Rạch Núi năm 2012, một địa điểm nằm gần ngã ba sông Vàm Cỏ và cửa sông Đồng Nai. Từ các di vật phát hiện tại đây cho thấy cư dân Rạch Núi tập trung mạnh vào đánh bắt cá ở các sông, suối địa phương, săn bắn nhiều loại động vật có vú, các loại động vật thân mềm và thực vật... Cư dân tại đây duy trì nuôi chó, lợn, tiêu thụ gạo và hạt kê và có khả năng nhập khẩu các loại cây ngũ cốc (Castillo et al., 2017). Cư dân Rạch Núi sản xuất gốm với số lượng lớn đồ gốm đơn giản và không hạn chế, đồ gốm bị loại bỏ trong sản xuất hoặc bị hỏng trong quá trình

sử dụng cung cấp nền tảng hữu ích về vật liệu cho quá trình tạo dựng các bề mặt sàn đất cư trú. Những hình thức trang trí trên đồ gốm của cư dân Rạch Núi có phong cách tương tự như các địa điểm Cù Lao Rùa, Bình Đa trên sông Đồng Nai, nhưng chúng không xảy ra ở An Sơn hay Lộc Giang.

So sánh với hai địa điểm thuộc vùng trũng thấp tại Bà Rịa – Vũng Tàu là Gò Cá Sỏi và Gò Cây Me, tại đây cũng có dấu hiệu xuất lộ những nền sàn và các dạng gốm tương tự như Rạch Núi. Điều đó cho thấy những quần thể đất thấp, ven biển và chủ yếu kiếm ăn bằng nghề đánh bắt, săn bắn có thể đã phân bố rộng trong các khu vực đầm lầy ở miền Nam Việt Nam vào cuối thời kì đồ đá mới – sơ kì kim khí.

Theo khảo sát của các nhà nghiên cứu, khu vực xung quanh An Sơn, Rạch Núi thiếu nguyên liệu đá cho việc sản xuất công cụ, do đó các công cụ đồ đá tại đây như rìu và đục, có thể các công cụ đã được nhập khẩu dưới dạng thô trong các giai đoạn khác nhau và chỉ đánh bóng hoàn thiện và sửa chữa được thực hiện tại chỗ. Vẫn chưa rõ nguồn của những công cụ đá, nhưng chúng dường như không đến từ những địa điểm và công xưởng chế tác công cụ đá như Suối Linh, Hàng Ông Đại, Hàng Ông Đụng ở thượng lưu sông Đồng Nai và sông Bé. Một lần nữa cho thấy An Sơn, Lộc Giang và các địa điểm ở lưu vực sông Vàm Cỏ khác đã liên kết với nhau thành mạng lưới giao thương với các khu vực khác ở lưu vực sông Đồng Nai.



Hình 11. Loại hình gốm có miệng lượn sóng (Wavy – rimmed) tại An Sơn (Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học, 2009)

Sự tương phản giữa khu vực sông Vàm Cỏ và lưu vực sông Đồng Nai thể hiện qua sự khác biệt hoàn toàn về niên đại giữa An Sơn, Lộc Giang và có lẽ là Dinh Ông có niên đại 4000 năm BP. Trong khi ở hầu hết các địa điểm ở lưu vực sông Đồng Nai có niên đại vào khoảng 3600 năm BP hoặc muộn hơn. Hai điều này đã giải thích sự vắng mặt của gốm có viền lượn sóng (Wavy – rimmed) của vùng ven biển và Đồng Nai, dường như nó đã lỗi thời trước 3500 năm BP. Tuy nhiên, niên đại không thể giải thích tất cả các biến thể được xác định trong khảo cổ học. Ví dụ Sarjeant (2014) đã xác định một số điểm tương đồng rõ ràng trong các dạng gốm và trang trí giữa Lộc Giang, An Sơn và các di chỉ dọc sông Đồng Nai. Đó là các đường hoa văn rạch cong ở vai trên đồ gốm, một số mảnh gốm nhỏ có trang trí tương tự được ghi nhận tại Rạch Núi cũng có tại Lộc Giang năm 2014. Ngoài ra, loại hình gốm lượn sóng cũng đã được phát hiện tại di tích thành đất đắp hình tròn An Phú I trên vùng cao Bình Phước. Kể từ năm 2010 có khoảng 30 địa điểm đã được phát hiện ở đây, phân bố chủ yếu ở Bình Long, Lộc Ninh, Đồng Phú, Phước Long, các di tích nằm cách nhau khoảng 10km-15km.

Vết tích văn hóa còn sót lại từ những công trình đắp đất dạng tròn ở Bình Phước bao gồm các công cụ sinh hoạt, vũ khí và đồ gốm tương tự nhiều địa điểm ở lưu vực sông Đồng Nai như Bình Đa, Cù Lao Rùa, Mỹ Lộc. Tính chất đặc thù của đất ở vùng này nó làm tiêu

hủy xác hữu cơ và hiện nay rất khó để xác định đặc điểm nền kinh tế cũng như chức năng của nó. Tuy nhiên, các khu vực cư trú ở lưu vực sông Vàm Cỏ Đông như An Sơn, Lộc Giang, Bà Đào, Dinh Ông có lẽ có mối quan hệ chặt chẽ hơn về văn hóa xã hội với các cư dân ở vùng cao Bình Phước, vùng ven biển phía Đông dọc lưu vực sông Đồng Nai.

Các địa điểm cư trú lưu vực sông Vàm Cỏ Đông được xác lập vào khoảng thời gian ngắn khoảng 4000 năm BP. Các bằng chứng khảo cổ học cho thấy rằng những ngôi nhà trên mặt đất có thể được tạo dựng với các mặt sàn được đắp và gia cố bên trên, việc tạo dựng các nền nhà trải qua việc tu sửa, gia cố, tái thiết ở những giai đoạn tiếp theo, và giai đoạn sau cùng có thể nằm trong khoảng 3300 năm BP. Những cộng đồng cư dân này có nền kinh tế hỗn hợp, chủ yếu dựa vào các nguồn tài nguyên hoang dã được trao đổi từ các khu vực xung quanh qua hệ thống sông ngòi ở địa phương. Tuy nhiên, các cư dân này cũng biết thuần dưỡng lợn, chó... để tạo nguồn thực phẩm cung cấp cho đời sống hàng ngày. Lúa có thể đã được trồng trọt trên nền đất phù sa, tuy nhiên bằng chứng hiện tại chỉ tìm thấy trong các thành phần trong gốm ở An Sơn.

Các địa điểm An Sơn, Lộc Giang, Rạch Núi, Dinh Ông là những di chỉ được biết đến sớm nhất ở miền Nam Việt Nam, có niên đại khoảng 4000 năm BP. Phân tích văn hóa vật chất, nghiên cứu hình thái học và di truyền học của con người trong mộ táng ở An Sơn, các nhà nghiên cứu cho rằng nó có nguồn gốc từ Hoabinhian và Bacsonian (Piper et al., 2017). Sau giai đoạn khoảng 3600 năm BP nhiều khu cư trú mới xuất hiện dọc theo bờ biển, trong những môi trường có thể sinh sống khi biển thoái trào, đặc biệt ở các bờ lưu vực sông Đồng Nai và Sông Bé. Các khu vực cư trú cũng xuất hiện dần ở khu vực nội địa, trên cao nguyên Bazan hoặc vùng biên giới Campuchia ngày nay. Sự khác biệt được ghi lại trong văn hóa vật chất và sự tồn tại giữa tất cả các địa điểm này ở Nam Bộ, Việt Nam cho thấy sự phát triển khá nhanh chóng có thể đã tạo lập một bản sắc văn hóa riêng, đặc sắc.

3. Kết luận

Loại hình cư trú trên nền đất đắp thời tiền sử ở Long An tiếp tục là trọng tâm nghiên cứu của khảo cổ học, nó có đặc trưng riêng mang tính khu vực, thể hiện sự thích ứng với môi trường sinh thái của cộng đồng cư dân thời tiền sử ở Long An trong quá khứ. Nghiên cứu về trình tự các lớp sàn đất đắp cho phép chúng ta tái tạo lại chi tiết việc lựa chọn phương thức sống, kỹ thuật tạo dựng nơi cư trú và đặc biệt giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cách thức sinh sống của cư dân cổ nơi đây ứng phó với môi trường tự nhiên.

Tư liệu khảo cổ học phát hiện tại An Sơn, Lộc Giang, Rạch Núi, Lò Gạch cho thấy đây là di chỉ cư trú có niên đại khoảng 4000-3000 năm BP, có tầng văn hóa dày, nguyên vẹn và ổn định, hiện vật phong phú về chất liệu và đa dạng về loại hình. Có thể thấy rằng, cư dân cổ thời tiền sử ở Long An đã chọn nơi thế đất cao của gò để làm nhà, các phát hiện về cấu trúc nền đất đắp dạng nhà cho thấy ở cộng đồng này đã có những cách thức cư trú thích nghi với môi trường ẩm thấp ven biển. Việc phát hiện hàng chục giai đoạn của các nền đất, trên đó là các cấu trúc bằng thực vật, được cư trú trong thời gian dài gợi ý rằng các di tích trên

không phải được cư trú ngẫu nhiên, mà được lên kế hoạch cẩn thận ngay từ khi bắt đầu định cư. Trong các giai đoạn muộn hơn, có thể cộng đồng cư dân cổ này đã có thêm nhiều kinh nghiệm trong việc đắp nền, họ đã biết trộn thêm vỏ các loài nhuyễn thể vào đất đắp khiến những nền đất cứng hơn. Tuy chưa có đủ tư liệu, hiện vật để có thể dựng lại kiểu dáng những ngôi nhà ở ngôi làng cổ xưa này nhưng qua các hố khai quật, khảo cổ học đã ghi nhận những lớp đất gia cố cứng chắc, hẳn là dấu tích của kiến trúc cư trú của người xưa.

Các cư dân tiền sử tổ chức nên những ngôi làng và phát triển đời sống kinh tế trên cơ sở của nền nông nghiệp trồng lúa, đánh bắt cá, săn bắn và thuần dưỡng, nuôi động vật, như lợn và chó. Chúng có đặc điểm là những gò đất lớn với tầng văn hóa dày, chứa đựng các tích tụ vật chất phản ánh đời sống vô cùng sinh động của một trong những thời kì phát đầu tiên của quá trình hình thành các cơ cấu tổ chức đời sống ở vùng đất Nam Bộ thời tiền sử. Các lựa chọn phương thức cư trú có sự khác nhau giữa các vùng, phản ánh một bức tranh rất đa dạng về văn hóa của tiền sử Nam Bộ, với các tính chất riêng ở từng di tích và do đó, việc xây dựng một phức hệ hoàn chỉnh trên cơ sở liên kết địa tầng, niên đại và di vật khảo cổ cho từng tiểu vùng vẫn còn nhiều công việc phải làm phía trước.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bellwood, P. (2005). *First Farmers: The Origins of Agricultural Societies*. Malden: Blackwell Publishing.
- Bellwood, P., Oxenham, M., Bui, C. H., Nguyen, K. D., Willis, A., Sarjeant, C., Piper, F., Matsumura, H., Tanaka, K., Beavan, N., Higham, T., Nguyen, Q. M., Dang, N. K., Nguyen, K. T. K., Vo, Huong., Van, N. B., Tran, T. K. Q., Nguyen, T. T., Campos, F., & Amano, N., (2011). *An Son and the Neolithic of southern Vietnam. Asian Perspective*, 50, 144-175.
- Castillo, C., Fuller, D., Piper, P., Bellwood, P., & Oxenham, M., (2017). Hunter-gatherer specialization in the late Neolithic of southern Vietnam – The case of Rach Nui. *Quaternary International*, 2017, 1-17.
- Grono, E., (2020). *Settlement at the Micro-scale: Microstratigraphy and micromorphology of transitional Neolithic settlement sites in Vietnam (5000 cal BP to 2500 cal BP)*. Doctor of Philosophy. Thesis. Canberra: The Australian National University.
- Nishimura, M., & V, T. H. (1997). Preliminary study on the pottery decoration in the Vam Co Basin. *Journal of Southeast Asia Archaeology*, (17), 78-90.
- Nishimura, M., & Nguyen, K. D. (2002). "Excavation of An Son: a neolithic mound site in the middle reach of the Vam Co Dong river, Southern Vietnam". *Indo - Pacific Association Bulletin* 22, 2002 (Melaka papers, Volume 6, pp. 101-109).

- Oxenham, M., Piper, F., P. J., Bellwood, P., Bui, C. H., Nguyen, K. T. K., Nguyen, Q. M., Campos, F., Castillo, C., Woos, R., Sarjeant, C., Amano, N., Willis, A., & Ceron, J., (2015). *Emergence and diversification of the Neolithic of southern Vietnam: insights from coastal Rach Nui*. *J Isl Coast Archaeol*, 10(3), 309-338.
- Piper, F., & Oxenham, M., (2014). *Of prehistoric pioneers: the establishment of the first sedentary settlements in the Mekong Delt region of southern Vietnam during the period 2000–1500 cal. BC*. In: Boyle, K., Rabett, R., Hunt, C. (Eds.), *Living in the Landscape: Essays in Honour of Graeme Barker*. McDonald Institute for Archaeological Research, (McDonald Institute Monographs) Cambridge, pp. 209-226.
- Piper, P. (2017). *The Neolithic settlement of Loc Giang on the Vam Co Dong River, Southern Vietnam and its broader regional context*. *Archaeological Research in Asia*.
- Sarjeant, C. (2014). *Contextualising the neolithic occupation of Southern Vietnam: the role of ceramics and potters at An Son*. *Terra Australis* 42. Canberra: The Australian National University Press.
-

THE RESIDENTIAL STRUCTURES ON EMBANKMENT FOUNDATIONS IN THE PREHISTORIC AGE IN LONG AN PROVINCE

Le Hoang Phong

Southern Institute of Social Sciences, Vietnam

Corresponding author: Le Hoang Phong – Email: lehoangphong1983@gmail.com

Received: September 19, 2024; Revised: October 08, 2024; Accepted: November 10, 2024

ABSTRACT

The embankment residence is one of the typical forms of the prehistoric sites in Long An Province, Vietnam, reflecting early humans' ability to adapt to and mitigate environmental challenges. In addition, these settlements demonstrate prehistoric communities' capacity to modify the physical environment to meet their needs, offering insights into their level of social and technological development. The ancient habitations in Long An Province relic areas were constructed using clay, sand, mollusks, and forest materials, with the ground being compacted and intensely burned to form stable, dry living spaces. Our recent excavations uncovered four residential relics consisting of tens of embankment stages and ground reinforcements. Evidence from these sites suggests that prehistoric inhabitants resided in plant-roofed structures for over a century. Throughout this period, several major construction phases were identified, with each foundation and all its structures undergoing consecutive replacements.

Keywords: archaeological relics; embankment; prehistoric era; residential site